

Về bộ *Lịch Sử Việt Nam* 15 tập của Viện Sử Học Hà Nội TRẦN ANH TUẤN

Lịch Sử Việt Nam (tái bản lần thứ nhất) là tựa đề của một bộ sử dài 15 tập do nhà xuất bản Khoa Học Xã Hội Việt Nam tại Hà Nội phát hành tháng 8 năm 2017. Bản in lần thứ nhất vào năm 2013-2014.

Bộ sách nguyên là dự án lớn do Viện Sử Học thuộc Viện Hàn Lâm Khoa Học Xã Hội trong nước chủ trì từ năm 2002 với một tập thể tác giả 30 người.

Tất cả 30 người này là cán bộ của Viện Sử Học, cũng có nghĩa là các công chức mà nhiệm vụ là viết sử theo sự chỉ đạo của Trung Ương Đảng Cộng Sản Việt Nam. Do đó, họ không viết trong tư cách của những sử gia. Nên biết rằng Viện Sử Học nói riêng, hay Viện Hàn Lâm Khoa Học Xã Hội nói chung, là những cơ quan lý thuyết của Trung Ương Đảng Cộng Sản Việt Nam.

Về hình thức, bộ sách rất đồ sộ. Sách không bán lẻ, nằm trong 5 hộp, mỗi hộp có 3 quyển, được bao nylon bên ngoài. Năm hộp đó lại đặt vào hai hộp carton sẵn sàng đến tay người mua do Công Ty Vina Book JSC phát hành. Toàn bộ 15 quyển nặng 24kg, dày 9,084 trang, bán 4,800,000 đồng. Tổng số phát hành là 1,000 bộ. Cước phí chuyển phát nhanh từ Sài Gòn qua California theo đường hàng không mất 5 ngày là US\$280.00.

Tôi nghĩ, với lương tháng của cán bộ trung cấp (như chủ sự hay trưởng phòng) hiện nay trong nước vào khoảng 10,000,000 đồng thì chắc chắn rất hiếm độc giả có tiền mua sách.

Nhưng việc bán sách, và bán được hay không, không phải là điều bận tâm của ai. Vì dự án này là đề tài cấp nhà nước có nghĩa là Viện Sử Học và các thành viên của Viện đã được cấp phát ngân khoản để hoàn tất công tác kéo dài hàng thập niên hay lâu hơn nữa.

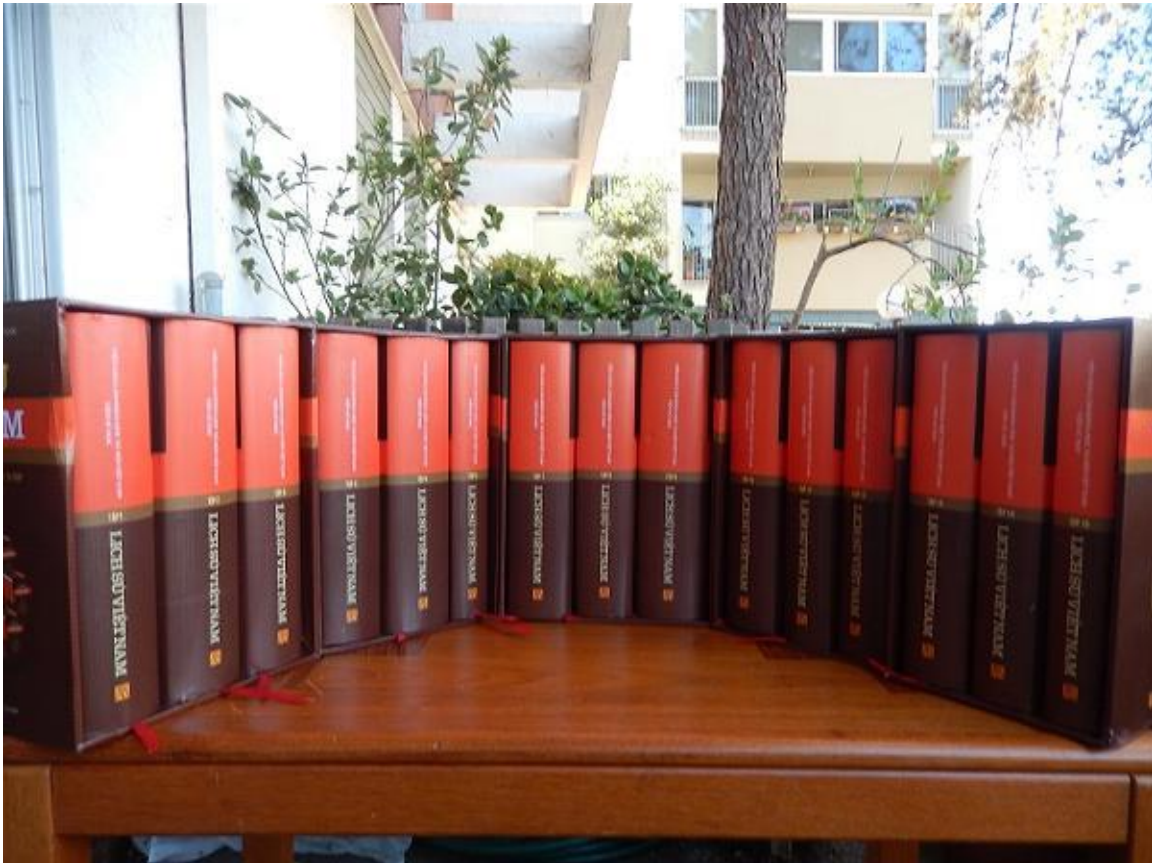
Hình thức in ấn bộ sách trang trọng, hình bìa rộng cuộn là một tác phẩm mỹ thuật. Bìa cứng, gáy đóng chỉ nên bền vững. Mỗi quyển có một tập thể tác giả, gọi là "Nhóm Biên Soạn." Nhóm biên soạn từ tập 1 đến tập 7 gồm 4 người, riêng tập 3 và tập 5 có 5 người. Nhưng từ tập 8 đến tập 15 nhóm biên soạn rút xuống còn 3 người. Tập thể tác giả đó gồm 24 tiến sĩ, 3 thạc sĩ, và 3 nghiên cứu viên.

Để tránh những suy đoán và ngộ nhận có thể xảy ra trong cộng đồng gốc Việt tại hải ngoại, tôi ghi ra đây danh sách đầy đủ 30 tác giả trong Ban Biên Soạn: Nguyễn Thị Phương Chi, Đinh Thị Thu Cúc (Chủ Biên Tập 10), Võ Kim Cương (Chủ Biên Tập 6), Trần Đức Cường (Tổng Chủ Biên và Chủ Biên Tập 12 và 14), Nguyễn Lan Dung, Lê Trung Dũng, Nguyễn Mạnh Dũng, Nguyễn Hữu Đạo, Đinh Quang Hải, Lê Thị Thu Hằng, Ngô Văn Hòa, Đỗ Đức Hùng, Hà Mạnh Khoa, Tạ Ngọc Liên

(Chủ Biên Tập 3), Nguyễn Ngọc Mão (Chủ Biên Tập 15), Vũ Duy Mền (Chủ Biên Tập 1), Nguyễn Văn Nhật (Chủ Biên Tập 11 và 13), Nguyễn Đức Nhuệ, Vũ Huy Phúc, Phạm Ái Phương, Đỗ Thị Nguyệt Quang, Nguyễn Hữu Tâm, Phạm Như Thơm, Tạ Thị Thúy (Chủ Biên Tập 7, 8, và 9), Nguyễn Minh Tường, Đỗ Xuân Trường, Lưu Thị Tuyết Vân, Nguyễn Thị Hồng Vân, Trần Thị Vinh (Chủ Biên Tập 2 và 4), và Trương Thị Yến (Chủ Biên Tập 5).

Trong số 30 người này có rất nhiều người tôi mới biết đến tên lần đầu tiên. Chỉ có vài người là "quen thuộc" qua những nghiên cứu của họ trong các chuyên san *Nghiên Cứu Lịch Sử, Xưa & Nay, Khảo Cổ Học...* và qua các ấn phẩm đã được phổ biến, như Võ Kim Cương, Trần Đức Cường, Tạ Ngọc Liễn, Nguyễn Văn Nhật, Vũ Huy Phúc, và nhất là Tạ Thị Thúy, xuất thân tiến sĩ Sử tốt nghiệp tại Pháp chuyên về đề tài khai thác thuộc địa của thực dân Pháp tại Đông Dương.

Hầu hết -nếu không muốn nói là tất cả- tên tuổi của giới nghiên cứu sử cũng đồng thời là giới giáo sư đại học ngành Sử trong nước, những người từ nhiều năm nay đã chuyển hướng nghiên cứu từ thông tin tuyên truyền sang trình bày sự kiện quá khứ, đều vắng bóng. Đây thật là một chỉ dấu quan trọng đầy ý nghĩa khi độc giả muốn lượng định giá trị của bộ *Lịch Sử Việt Nam* mới tái bản và được giới thiệu rầm rộ qua các cơ quan truyền thông đại chúng trong tháng trước.



Bộ Lịch Sử Việt Nam đầy đủ 15 tập chiếm hơn một ngàn trong tủ sách TAT, tặng phẩm của anh chị Nguyễn Hoàng Hải & Phương Nga (San Jose, California).

Với một bộ sách chiếm đến 9,084 trang giấy in, bài viết này chưa đi vào chi tiết, mà chỉ bàn tổng quát về nội dung bộ sách, trước hết là về quan niệm và phương pháp biên soạn.

Đây chính là bộ sử chính thức thứ hai của nhà nước Cộng Sản tại Việt Nam, do Viện Sử Học biên soạn dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Ủy Ban Khoa Học Xã Hội Việt Nam nay đã được đổi thành cái tên hoành tráng là Viện Hàn Lâm Khoa Học Xã Hội Việt Nam. Bộ chính sử thứ nhất gồm *Tập I* xuất bản năm 1971 (tái bản năm 1976) và *Tập II* xuất bản năm 1985 (tái bản năm 2004). Bộ sử thứ nhất này chỉ có 801 trang.

Quan niệm viết sử của Viện Sử Học Hà Nội là nhằm phục vụ chính trị, khác với quan niệm viết sử của Thế Giới Tự Do Dân Chủ là trình bày lại quá khứ y như nó đã xảy ra. Sử của Viện Sử Học Hà Nội, vì thế, có thể là những sự kiện quá khứ, mà cũng có thể là những câu chuyện dựng lên tùy nhu cầu chính trị. Hay sự kiện lịch sử có thể biên soạn dài ngắn khác nhau là tùy chủ đích chính trị.

Như *Tập I* của bộ chính sử thứ nhất tái bản năm 1976 chỉ có 437 trang trình bày mấy ngàn năm lịch sử -từ nước Văn Lang đến triều Nguyễn- nhưng chỉ riêng cuộc kháng chiến chống quân Nguyên thời Trần đã chiếm 23 trang (trang 194-216), hay cuộc kháng chiến chống quân Thanh thời Nguyễn Tây Sơn chiếm 10 trang (trang 347-356). Độ dài bất thường của những cuộc kháng chiến trong một bộ thông sử ngắn là do nhu cầu chính trị của thời điểm biên soạn sách: thập niên 1970 khi sách phát hành là thời điểm Bộ Chính Trị Ban Chấp Hành Trung Ương Đảng Cộng Sản Việt Nam đẩy mạnh công cuộc đánh chiếm miền Nam nên cần có tài liệu để thúc đẩy thanh niên miền Bắc tòng quân ra trận, sẵn sàng hy sinh mạng sống theo chủ nghĩa anh hùng cách mạng! Bằng chứng có thể đọc thấy nơi trang 342-43 và 349-351 trong *Tập 13*. Đó là quán triệt nghị quyết của hội nghị lần thứ 20 của Ban Chấp Hành Trung Ương Đảng tháng 5.1971 và chủ trương của các hội nghị Bộ Chính Trị và Quân Ủy Trung Ương tháng 6.1971, ngày 11.3.1972 Thường Vụ Quân Ủy Trung Ương ra nghị quyết *mở cuộc tấn công chiến lược trên toàn chiến trường miền Nam*. Đến ngày 23.3.1972 thì Bộ Chính Trị thông qua kế hoạch này.

Phương pháp viết sử của Viện Sử Học Hà Nội là biên soạn sao cho đúng với lý thuyết Cộng Sản quốc tế.

Diễn hình của phương pháp này là tác giả Vũ Duy Mền khi trình bày về thời đại Hùng Vương. Nguyên văn thế này, nơi trang 117 trong *Tập 1: Họ* (tầng lớp quý tộc gồm Hùng Vương, Lạc hầu, Lạc tướng... TAT chú) *lợi dụng chức vụ và chức năng của mình để chiếm đoạt sản*

phẩm thặng dư của công làm tài sản riêng. Dần dần họ tập trung trong tay nhiều của cải và quyền lực... Trên thực tế, họ đã bóc lột nô tỳ và được quyền "ăn ruộng" của dân Lạc, nghĩa là tự thu cho mình một phần sản phẩm thặng dư của công xã dưới hình thức lao dịch hay cống nạp sản phẩm."

Đây là sự tưởng tượng của người Cộng Sản thế kỷ XXI khi viết về quá khứ của ngàn năm trước, đã lập lại ý niệm "thặng dư giá trị" mà không hề dẫn một sự kiện nào làm chứng cứ.

Đã không có gì chứng minh cho việc các vua Hùng đã "chiếm đoạt sản phẩm thặng dư," trong trang 117, mà trang 116 ngay trước đó, tác giả này đã có những chi tiết khác hẳn, nguyên văn thế này: "*Vua cùng làm cùng ăn với dân. Vua Hùng dạy dân cấy lúa, cùng làm cho đến khi mặt trời đứng bóng mới nghỉ tay. Có câu chuyện kể về việc: vua Hùng dạy dân đi săn, khi săn được chim thú cùng chia cho mọi người, vua chỉ để dành cho mình bộ lông."*

Tại sao một tác giả lại có lập luận mâu thuẫn đến vậy? Phải chăng đó là cách hành xử của một người viết sử Cộng Sản trung thành khi được Đảng giao công tác viết sử cho Đảng?

Phương pháp viết sử cũng còn là biên soạn sao cho nội dung phù hợp với những cái khuôn và những kết luận đã được Bộ Chính Trị Ban Chấp Hành Trung Ương Đảng Cộng Sản Việt Nam chỉ đạo.

Diễn hình của phương pháp này là nội dung của *Tập 13* dài 587 trang.

Chiến tranh trong các năm 1965-1975 bị ép vào cái khuôn là *chuỗi chiến thắng theo thời gian*.

Vì thế mới có chiến thắng *chiến tranh phá hoại lần thứ nhất* (Chương I, trang 23-133: 1965-1968). Rồi chiến thắng *chiến tranh cục bộ* (Chương II, trang 134-213: 1965-1968). Tiếp đến là chiến thắng *chiến tranh phá hoại lần thứ hai* (Chương III, trang 214-275: 1969-1973). Sau đó là chiến thắng "*Việt nam hoá chiến tranh*" (Chương IV, trang 276-372: 1969-73). Cuối cùng là *giải phóng miền Nam* để chấm dứt tập sách (Chương VI, trang 449-553: 1973-75).

Trong cái khung tiền chế đó, các chiến thắng liên tiếp tất nhiên sẽ khiến địch quân ngày càng suy yếu rồi đầu hàng. Thật tự nhiên và hợp lý!

Nhưng trong thực tế lịch sử, cuộc chiến giới hạn trong lãnh thổ Việt Nam Cộng Hoà là cuộc chiến tự vệ của quân dân miền Nam chống lại sự xâm lăng của các binh đoàn Cộng Sản miền Bắc và bộ đội địa phương. Suốt những năm tháng ấy, VNCH không hề để mất một tỉnh nào vào tay Cộng quân nên thực tế không có gì có thể gọi là "những chiến thắng 1965-68, 1969-73..." Ngay tên gọi cuộc chiến là "Cuộc chiến chống Mỹ cứu nước" cũng chỉ là sản phẩm tuyên truyền của Bộ Chính Trị xướng suất mà toàn thể xã hội Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà phải tin theo.

Trong suốt những năm tháng ấy, có những trận chiến thắng và thua của cả hai bên giữa quân lực VNCH và bộ đội miền Bắc cùng bộ đội địa phương, thế thôi. Còn thả bom miền Bắc bằng oanh tạc cơ, rồi quân đội Mỹ và quân đội Đồng Minh (Úc Đại Lợi, Tân Tây Lan, Đại Hàn, Thái Lan...,) tham dự chiến tranh, và Việt Nam hoá chiến tranh không gì khác hơn là những sự thay đổi chiến lược của VNCH và Đồng Minh trong cuộc chiến bảo vệ miền Nam Tự Do trên chính phần lãnh thổ của VNCH. VNCH nhanh chóng bị suy yếu từ sau Hiệp Định Paris ngày 27.1.1973 rồi sụp đổ ngày 30.4.1975 có nguyên nhân nội tại và nhất là ngoại lai đặc thù của nó, là chuyện khác.

Bây giờ, trong bộ chính sử của Đảng Cộng Sản Việt Nam, biến chiến lược của địch thủ thành những chiến thắng của phe ta là sự dụng công khéo léo của các cán bộ thông tin tuyên truyền.

Nhưng xét về phương diện chuyên môn của ngành Sử Học, đây là sự bóp méo các sự kiện lịch sử cho hợp với khuôn mẫu đã định trước.

Phương pháp viết thông sử của thế giới văn minh là tiêu hóa những ý kiến hay những giả thuyết và nhận định về những sự kiện lịch sử của các tác giả trước đó rồi tổng hợp thành sử.

Những trang sử tổng hợp rất súc tích ấy không có khoảng trống cho sự trích dẫn từ những trang chuyên sử của người khác, lại càng không có phần cho ý kiến người này hay giả thuyết của người kia hay nhận định của người nọ. Nếu cần, những chi tiết kể trên chỉ đưa vào phần chú thích hay cước chú, mà không dông dài trong phần chính văn.

Tiểu thay, đó lại chính là cách viết của nhiều tập thể tác giả bộ chính sử của Nhà Nước này. Dở hai tập *Tập 2* và *Tập 4*, độc giả phải đọc những đoạn dài trích dẫn sách xưa.

Ngoại lệ là một số tác giả có lòng say mê nghề nghiệp thực sự. Họ đã bỏ thời gian và công sức để biên soạn một cách nghiêm chỉnh, điển hình là Nguyễn Hữu Tâm.

Nguyễn Hữu Tâm là một trong bốn người biên soạn *Tập 1*. Ông phụ trách Chương III và Chương IX. Đó không phải là những trang sách trích dẫn tài liệu của người trước, mà là tổng hợp các tài liệu ấy về đề tài tác giả có trách nhiệm biên soạn. Ngoài ra, bốn phụ lục về Danh sách quan lại thời An Nam Đô Hộ Phủ, Phả hệ hoàng gia Phù Nam, Phả hệ hoàng gia Chân Lạp, và Thư tịch các tác phẩm Trung Quốc về Phù Nam, Xích Thổ, và Chân Lạp của tác giả Nguyễn Hữu Tâm là những bảng tổng hợp, một công tác chiếm nhiều thời giờ và công khó của một người nghiên cứu có trách nhiệm. Những phụ lục này hữu ích với độc giả nói chung, và nhất là với giới nghiên cứu tương lai nói riêng.

Chính việc làm này của tác giả Nguyễn Hữu Tâm đã làm lộ rõ tính cách “vô tâm” của tập thể nhóm biên soạn: Toàn thể bộ sách *Lịch Sử Việt Nam* 15 quyển không hề có ai chịu khó làm Sách Dẫn!

Sách Dẫn là gì? Trong tiêu chuẩn biên soạn của giới nghiên cứu trên toàn thế giới kể cả thời VNCH và nay ở hải ngoại, bất cứ tác giả nhà nghề nào cũng phải làm Sách Dẫn -ngôn ngữ quốc tế gọi là Index- trong phần cuối của tác phẩm.

Đó là danh sách tên người, tên đất, sự kiện, biến cố... kèm số trang để độc giả muốn tìm biết vấn đề gì hay chi tiết nào trong sách thì vào phần Sách Dẫn để tìm những trang liên hệ đến vấn đề ấy một cách dễ dàng và nhanh chóng. Một bộ sách dày 9,084 trang là cả một rừng chữ không có chỉ dấu hướng dẫn như thế thì thật thiếu sót.

Sự thiếu sót phần Sách Dẫn lại dẫn đến sự thiếu sót phần Hình Ảnh và Bản Đồ trong phần Mục Lục. Trong tất cả 15 quyển sách, chỉ có *Tập 4* là có phần Hình Ảnh và Bản Đồ trong Mục Lục.

Riêng *Tập 7* và *Tập 15* là có phần “Thư Mục Sách Dẫn,” phần “Danh Mục Bảng, Biểu,” và phần “Hình Ảnh.” Nhưng chữ “Sách Dẫn” trong *Tập 7* chỉ là danh từ suông, vì thật ra phần được mệnh danh là “Thư Mục Sách Dẫn” không gì khác hơn là danh sách tài liệu tham khảo mà thôi.

Phần Danh Mục Bảng trong *Tập 7* chỉ dẫn 32 bảng thống kê và 93 bảng biểu trong *Tập 15* là những phần quen thuộc trong khuôn khổ sách nghiên cứu nghiêm chỉnh.

Về phần tham khảo. Sách báo tạp chí ấn loát phẩm tham khảo có nhiều nguồn và trong nhiều ngôn ngữ khác nhau là ưu điểm của công trình biên khảo. Một số tác phẩm tham khảo bằng tiếng Nga, tiếng Tàu, tiếng Nhật là những tác phẩm mà người nghiên cứu miền Nam trước nay hầu như không biết được.

Nhiều sử phẩm của các tác giả thời VNCH và sau này của người gốc Việt tại hải ngoại cũng được tham khảo là một khía cạnh đổi mới đáng kể của các thành viên Viện Sử Học Hà Nội. Đó là những nhà nghiên cứu Nguyễn Thế Anh, Lê Đình Cai, Phan Du, Phạm Cao Dương, Nguyễn Sĩ Giác, Vũ Văn Hiến, Phan Phát Huồn, Bửu Kế, Huỳnh Kim Khánh, Nguyễn Lang (tức Thích Nhất Hạnh), Nguyễn Hiến Lê, Vũ Văn Mẫu, Lê Kim Ngân, Phan Khoang, Phạm Văn Sơn, Nghiêm Thẩm, Đoàn Thêm, Vũ Quốc Thúc, Nguyễn Đăng Thục, Nguyễn Văn Trung... các tạp chí *Sử Địa*, *Bách Khoa*..., kể cả các ấn phẩm của Bộ Ngoại Giao, Bộ Nội Vụ, Bộ Dân Vận và Chiêu Hồi... thời VNCH, cùng những nhà nghiên cứu gốc Việt tại Hoa Kỳ như Nguyễn Duy Chính, Cao Thế Dung, Chính Đạo, Lê Mạnh Hùng, Nguyễn Tiến Hưng, Hoàng Linh Đỗ Mậu, Tạ Chí Đại Trường...

Tuy nhiên, trình độ sinh ngữ nói chung của tập thể tác giả bộ *Lịch Sử Việt Nam* này khiến độc giả phải thắc mắc. Những tác phẩm bằng tiếng Nga tiếng Tàu tiếng Anh tiếng Pháp... hầu hết là được tham

khảo qua bản dịch Việt ngữ. Có tập, như *Tập 2*, thì sách tham khảo hoàn toàn là sách tiếng Việt và sách Anh Pháp đã dịch sang tiếng Việt. Riêng Anh văn và Pháp văn thì trình độ học sinh Tú Tài thời VNCH trước năm 1975 cũng không có những lỗi ấu trĩ như trong bộ sách 9,084 trang này. Ở đây tôi chỉ nêu lên vài trường hợp điển hình về khả năng Anh và Pháp của một số tác giả.

Như tiểu bang California viết thành "*Kalifornia*" trong *Tập 1*, trang 664. Hay the Nineteenth Century viết thành "*th Nineteeth Centyry*", Histoire militaire thành "*Histoire miliraiv*", Migration thành "*Magration*", military revolution và military Innovation thành "*military revolusion*" và "*military Innovasion*" nơi trang 595, 598, 599, và 604 trong *Tập 4*. Lạ là chữ "*Revolution*" tiếng Anh và "*Révolution*" tiếng Pháp đều bị sửa thành "*Revolusion*" nơi trang 604 và "*Révolusion*" nơi trang 608.

Đặc biệt, có trường hợp sửa chữ Pháp bày ra hoạt cảnh "hay chữ lỏng" như sau. Nguyên C. B. Maybon là người Pháp, tác giả của một sử phẩm nổi tiếng tựa đề *Histoire moderne du Pays d'Annam (1592-1820)* xuất bản tại Paris năm 1919. Trong phần Tài Liệu Tham Khảo của *Tập 4*, không biết ai trong nhóm biên soạn bốn người đã sửa tựa đề thành *Histoire moderne des Pays d'Annam (1592-1820)*. Có lẽ người này tưởng "Pays" là danh từ số nhiều vì có chữ "s" đằng sau nên đã tự động sửa "du Pays" của người Pháp thành "des Pays" của Việt Nam ngày nay (trang 598, sđd) cho oách?!

Cách phiên âm ngoại ngữ ra Việt ngữ đã thu hẹp phạm vi văn hoá của dân Việt dù nhân loại đã qua thế kỷ XXI rồi. Đó là thứ văn hoá quần quanh trong cái vòng tác giả và độc giả trong nước Việt Nam với nhau.

Hãy lấy một thí dụ. Nguyên văn tựa đề một quyển sách của tác giả ngoại quốc, là "*G.Potơ, Việt Nam - lịch sử qua các tư liệu, Niu Amêrican Librêri, Luân Đôn*" nơi trang 156 trong *Tập 12* thì có gì liên hệ với thế giới ngoài Việt Nam hay không? Rồi *Pitô A. Puli, Mai Cơn Máclia, Rátpho, Phoxtơ Đalet, Étuốt Lêndên...* trang 157, 164, 165, 170, cùng *Pitơ A. Pươ, Lêđơ, Râugiơ, Mơơ, Giôdép A. Amtơ, Gabrien Côncô...* trang 25, 318, 454, 456 trong *Tập 13* thì viết sử mà như đánh đố độc giả.

Cũng cần nói thêm là tài liệu tham khảo đại đa số là sách báo ấn loát phẩm của chính các tác giả trong nước, có nghĩa là "chúng khẩu đồng từ." Cứ viết và viết mãi, hay cứ viết và lập lại, cuối cùng người đọc sẽ tin theo. Đó là kỹ thuật tuyên truyền mà Đức Quốc Xã đã áp dụng thành công thời Đệ Nhị Thế Chiến (1939-1945).

Kỹ thuật viết sử của một tác giả bộ *Lịch Sử Việt Nam* làm tôi ngạc nhiên, phải nói là sững sốt, vì đến thế kỷ XXI rồi mà vẫn còn viết sử biên niên.

Chuyện biên niên xảy ra trong *Tập 4*, đầu dòng hai trang 40 và 41 bắt đầu bằng một chuỗi các năm: "*Năm 1600... Năm 1602... Năm 1604... Năm 1611... Năm 1613... Năm 1614...*"

Và đầu dòng hai trang 60 và 61 bắt đầu bằng một chuỗi những tháng: "*Tháng Chín... Tháng Mười... Tháng Một... Tháng Chạp...*"

Hoá ra người biên soạn đã sao chép nguyên văn sách cổ đã được dịch ra Việt ngữ nên mới có cách viết sử của quá khứ xa xưa như thế!

Hãy lấy thêm vài thí dụ để chứng minh cho nhận xét này.

Trang 31 trong *Tập 4* chép lại ba trang 41, 42, và 43 của sách *Phủ Biên Tạp Lục* cộng với hai trang 238 và 239 của sách *Toàn Thư*.

Đến trang 41 thì tác giả chép lại bốn trang 36, 37, 38, và 39 của sách *Đại Nam Thực Lục Tiền Biên*.

Trang 83 thì chép lại bốn trang 36, 37, 38, và 39 của sách *Lịch Triều Hiến Chương Loại Chí* cộng với hai trang 417 và 418 của sách *Cương Mục*.

Và trang 119 thì chép lại ba trang 148, 150, và 151 của sách *Phủ Biên Tạp Lục*.

Cứ chép như thế suốt ba Chương I, II, và III từ trang 23 đến trang 165 trong *Tập 4*!

Thật không có đáng về gì của một công trình tổng hợp lịch sử, mà chỉ là sự sao chép lười biếng các sách sử cổ xưa!

Ngoài cách viết sử biên niên nói trên, là cách viết sử không bằng sự kiện quá khứ mà viết bằng xung động tình cảm giữa ta và địch.

Đó là cách viết "tuyển cử bịp bợm... quốc hội bù nhìn... hiến pháp phản dân tộc, phản dân chủ..." nơi trang 177 *Tập 12* mà không có một câu một chữ hay một sự kiện nào minh chứng cho sự *bịp bợm, bù nhìn, phản dân tộc, phản dân chủ* của Hiến Pháp nước Việt Nam Cộng Hòa ban hành ngày 26.10.1956.

Sự phân bố các tập sách không hợp lý. Tập thể ban biên soạn bộ *Lịch Sử Việt Nam* này, vì đặt trọng tâm bộ sách vào một đảng chính trị thay vì lịch sử của một dân tộc, nên đã bó rọ các thời Thượng Cổ và Bắc Thuộc làm một (*Tập 1*, 671 trang) để dành khung cảnh bao la cho lịch sử Đảng, 5 năm cũng thành một tập như *Tập 10: Từ Năm 1945 Đến Năm 1950* (627 trang) và *Tập 11: Từ Năm 1951 Đến Năm 1954* (499 trang).

Trong bộ chính sử của chế độ Cộng Sản phát hành năm 2017 này, danh hiệu Ngụy Quân Ngụy Quyền đã được thay thế bằng danh xưng Quân Đội Sài Gòn. và Chính Quyền Ngô Đình Diệm, hay Chính Quyền Sài Gòn, hay Miền Nam Việt Nam.

Đó chỉ là chi tiết về chữ, còn nghĩa vẫn giữ nguyên. Đó là "*thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự của Mỹ*" nơi trang 166, sđd. Đó là "*ngụy quân ngụy quyền... đàn áp phong trào cách mạng của nhân dân Việt Nam*" nơi trang 167, sđd. Đó là "*Mỹ thay thế Pháp trong vai trò ông chủ ở miền Nam Việt Nam*" nơi trang 168.

Tức là danh xưng mới nhưng nghĩa vẫn là nghĩa xưa như Lê Duẩn đã thêm một lần xác định lại vào năm 1971, nguyên văn nơi trang 168: "(Miền Nam Việt Nam là) *một chính quyền tay sai đại biểu quyền lợi cho giai cấp địa chủ phong kiến và tư sản mại bản khoác áo "dân tộc dân chủ" giả hiệu.*"

Chỉ nơi trang 177 và 406 trong *Tập 12*, nhóm biên soạn mới đề cập đến "*âm mưu của Mỹ là tạo ra hai Việt Nam là Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà ở miền Bắc và Việt Nam Cộng Hoà ở miền Nam*" và "*... căn cứ hải quân của Việt Nam Cộng Hoà*" là những lần bốn chữ Việt Nam Cộng Hoà được chính thức viết ra.

Ngoài ra, toàn bộ 15 tập sách chỉ đề cập đến danh xưng VNCH hai lần. Mà lần nào cũng trong ngoặc kép, biểu thị sự khinh thường và nhạo báng. Lần thứ nhất nơi trang 177 trong *Tập 12* và lần thứ hai nơi trang 19 trong Lời Nói Đầu *Tập 13* của Chủ Biên Nguyễn Văn Nhật.

Danh xưng Quân Đội Việt Nam Cộng Hoà cũng vậy. Chỉ có một lần được viết ra nơi trang 191 trong *Tập 12* và cũng trong ngoặc kép khi người viết là Trần Đức Cường đề cập đến "*lực lượng quân sự mạnh*" của Ngô Đình Diệm. Nhân đọc trang này, tôi mới thấy tác giả đã chuyển Trung Tâm Huấn Luyện Fort Benning tọa lạc tại tiểu bang Georgia, Hoa Kỳ sang... *Philippin* (sic!)

Làm gì có chuyện nhóm biên soạn bộ *Lịch Sử Việt Nam* chính thức sử dụng danh xưng Việt Nam Cộng Hoà trong sách như dư luận rầm rộ bên ngoài?!

Qua những nhận định trên, bộ *Lịch Sử Việt Nam* 15 quyển mới phát hành này không có dáng vẻ của một công trình tổng hợp lịch sử, từ cách biên soạn mất quân bình đến việc xóa nhòa ranh giới giữa thời sự và lịch sử.

Không những thế, bộ sách *Lịch Sử Việt Nam* thứ hai tái bản năm 2017 này không phải là một bộ thông sử xuyên suốt từ đầu đến cuối. Nó chia làm hai phần rõ rệt.

Chín (9) quyển đầu với 5,904 trang là phần thông sử ghi chép quá khứ dân Việt trong mấy ngàn năm.

Sáu (6) quyển sau với 3,180 trang là lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam từ năm 1945 đến năm 2000.

Tập II của bộ *Lịch Sử Việt Nam* thứ nhất phát hành năm 1985 đã dừng lại tại thời điểm 1945. Nhóm biên soạn bộ này, như vậy đã thận trọng ngưng việc biên soạn quá khứ trước họ 40 năm. Do đó, trên lý thuyết, họ đã có thể lùi cần thiết để các sự kiện lịch sử trong quá khứ làm họ phai lạt nhiệt tình và xa cách ảnh hưởng của các tác nhân và chứng nhân lịch sử. Họ là những nhà viết sử chuyên nghiệp, dù là viết theo duy vật sử quan.

Bộ *Lịch Sử Việt Nam* thứ hai này, trái lại, kéo dài đến thời điểm 2000, tức sự kiện chỉ mới xảy ra trước dự án 2 năm. Đem thời sự vào

sử sách như thế là tập thể nhóm biên soạn có chủ đích kéo dài thành tích để tôn vinh một đảng chính trị đang cầm quyền.

Nhưng tôn vinh như thế nào? Xin trả lời ngay: Họ tôn vinh bằng một nửa sự thật!

Kết quả các trận chiến bao giờ cũng chỉ có thiệt hại bên phe địch, phe ta không hề gì.

Sau đây là vài bằng chứng tôi trích trong sách.

Năm 1961, loại khỏi vòng chiến đấu 28,956 binh lính quân đội Sài Gòn trong đó có 41 cố vấn Mỹ, bắt sống 3,529 người, thu 6,000 súng đủ loại (trang 475, *Tập 12*). Không hề ghi thiệt hại của bên bộ đội.

Năm 1962, loại khỏi vòng chiến đấu 35,000 binh lính quân đội Sài Gòn, làm rã ngũ 32,000 người, lật đổ 18 đoàn tàu hỏa xa, đánh sập 312 cầu cống, bắn hỏng 12 tàu xuồng (trang 484, *sđđ*). Cũng không hề ghi thiệt hại của bên bộ đội.

Năm 1963, loại khỏi vòng chiến đấu 78,000 binh lính quân đội Sài Gòn trong số đó có 600 lính Mỹ, bắn và phá hủy 689 máy bay, phá hủy 800 xe cơ giới và 326 tàu xuồng, bức hàng 800 đồn bót, phá hoàn toàn 2,895 ấp chiến lược, phá từng phần 5,950 ấp khác, lật đổ 34 đoàn xe lửa, đánh chìm 236 tàu xuồng, thu trên 10,000 súng các loại (trang 496, *sđđ*). Cũng không hề ghi thiệt hại của bên bộ đội.

Năm 1964, tiêu diệt 119,000 binh lính quân đội Sài Gòn (trang 512, *sđđ*). Cũng không hề ghi thiệt hại của bên bộ đội.

Ngày 10-11.5.1965, diệt 1,398 binh lính quân đội Sài Gòn, bắn rơi 14 máy bay, thu 700 súng các loại (trang 521, *sđđ*). Cũng không hề ghi thiệt hại của bên bộ đội

Ngày 26.5.1965, tiêu diệt 139 sĩ quan và binh lính Mỹ (như trên). Cũng không hề ghi thiệt hại của bên bộ đội.

Ngày 29-31.5.1965, giết và làm bị thương 915 binh lính quân đội Sài Gòn, bắt sống 270 tên, thu 307 súng, bắn rơi 2 máy bay, phá hủy hai pháo 105 ly và 14 xe vận tải (như trên). Cũng không hề ghi thiệt hại của bên bộ đội.

Ngày 9-12.6.1965, tiêu diệt 1,500 binh lính quân đội Sài Gòn có 50 sĩ quan và lính Mỹ, bắn rơi 16 phi cơ, phá hủy 2 đại bác 204 ly và 6 xe bọc thép (như trên). Cũng không hề ghi thiệt hại của bên bộ đội.

Trong 4 tháng mùa khô 1965-1966, loại khỏi vòng chiến đấu 104,000 tên trong đó có 42,500 lính Mỹ, 3,500 quân các nước thân Mỹ, bắn rơi và phá hủy 1,430 máy bay, phá hủy 600 xe tăng và xe bọc thép, 1,310 ô tô, 80 khẩu pháo và 27 tàu xuồng (trang 182, *Tập 13*). Cũng không hề ghi thiệt hại của bên bộ đội.

Trong 6 tháng mùa khô 1966-1967, loại khỏi vòng chiến 175,000 tên địch trong đó có hàng trăm lính Mỹ và lính đánh thuê, bắn rơi và phá hủy 1,800 máy bay, phá hỏng 1,783 xe quân sự và 340 khẩu đại bác, bắn chìm và bắn cháy 100 xuồng, và đánh sập và đánh

hông 270 cầu (trang 187, sđd). Cũng không hề ghi thiệt hại của bên bộ đội.

Chưa đầy một tháng của cuộc Tổng Tiến Công Tết Mậu Thân, loại khỏi vòng chiến đấu 150,000 địch trong đó có 45,000 lính Mỹ, bắn rơi 2,370 máy bay các loại, bắn chìm 233 tàu xuồng, bắn cháy 3,500 xe quân sự trong đó có 1,750 xe bọc thép (trang 207, sđd). Cũng không hề ghi thiệt hại của bên bộ đội.

Thế là, theo bộ chính sử của nhà cầm quyền Cộng Sản, nội trong 4 tháng mùa khô năm 1965-1966 và 1 tháng Tết Mậu Thân năm 1968, lính và sĩ quan Mỹ đã chết mất (42,500 + 45,000) 87,500 người.

Chỉ trong 5 tháng mà số lính Mỹ bị giết đã nhiều hơn tổng số tử sĩ Mỹ (57,939 người) trên bức tường tưởng niệm tại Washington D.C. đến 30,000 người, thử hỏi thời gian lâm chiến hơn 8 năm của quân đội Mỹ (bắt đầu với hai tiểu đoàn Thủy Quân Lục Chiến đổ bộ lên Đà Nẵng ngày 8.3.1965 đến ngày 27.1.1973 khi Hiệp Định Paris được ký kết) số thiệt mạng phải lên đến bao nhiêu cho vừa với thành tích vinh quang của bộ đội Cộng Sản từ Bắc Việt và bộ đội địa phương tại miền Nam? Đó là chưa những số liệu khác, thí dụ như số ấp chiến lược tại VNCH bị triệt hạ. Bộ *Lịch Sử Việt Nam* này nêu thành tích là đã phá hoàn toàn và phá từng phần tổng cộng (2,895 + 5,950) 8,845 ấp riêng năm 1963 mà thôi! Cho đến năm 1963 thì toàn cõi VNCH theo thống kê có 9,095 ấp. Vậy là chỉ trong một năm, ấp chiến lược bị Mặt Trận Dân Tộc Giải Phóng Miền Nam Việt Nam triệt phá gần hết như đi vào chỗ không người?! Sự thật về ấp chiến lược là thế này. Sau khi ra lệnh giết Tổng Thống Ngô Đình Diệm và Cố Vấn Ngô Đình Nhu sáng ngày 2.11.1963, tướng Dương Văn Minh lên làm Chủ Tịch nước VNCH và với danh nghĩa đó, ông ký Sắc Lệnh số 103/SL/CT ngày 9.3.1964 giải tán chương trình Ấp Chiến Lược!

Mặt khác, nhiều vấn đề quan trọng chỉ được biên soạn một cách sơ sài có tính cách lấp liếm, hoặc bỏ ngỏ hay không hề nhắc đến. Đề tài quan trọng nhất trong thời Cổ Đại là nguồn gốc dân tộc chỉ được biên soạn một cách rối rắm phức tạp mà không có kết luận dứt khoát, rồi phán một câu kết luận, nguyên văn thế này nơi trang 66 của *Tập 1*: "Việt Nam nằm trong khu vực Đông Nam Á và phía Nam Trung Quốc – một trong những cái nôi sinh ra loài người." Thật là một ý tưởng độc đáo, nhân danh ngành khảo cổ học Việt Nam!

Còn trong thời Hiện Đại thì vụ Nhân Văn Giai Phẩm chỉ chiếm 2.5 trang. Vụ xét lại chống Đảng không thấy chữ nào. Vụ giết hại và chôn sống nhiều ngàn người ở Huế Tết Mậu Thân không thấy đả động. Vụ tịch thu rồi thiêu hủy tất cả ấn loát phẩm khắp miền Nam nước Việt sau ngày 30.4. 1975 không có dấu vết...



Tiếp theo bài viết tổng quát này, sẽ là hai bài về nội dung bộ sử chính thức của chế độ đương quyền. Một, sẽ nêu lên những đóng góp

mới mẻ và cập nhật vào kiến thức lịch sử trong dân gian của Viện Sử Học Hà Nội, tức là phần tích cực của bộ sách. Và hai, sẽ là những sự kiện và những sự thông giải lịch sử không chính xác, tức là phần tiêu cực xuất phát từ chủ đích chính trị nhân danh một sử phẩm.

22.9.2017
TRẦN ANH TUẤN